

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/DS -ST

Ngày: 18-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng.**

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Đoàn Thị Bích N**, sinh năm 1979. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Lương Văn L**, sinh năm 1976. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đoàn Thị Bích N** trình bày: Vào ngày 18/5/2016 dương lịch (dl) chị có cho anh **Lương Văn L** vay số tiền 30.000.000đ để anh L điều trị bệnh cho con anh L, không thoả thuận lãi suất. Anh L hứa đến ngày 18/10/2016 dl sẽ trả đủ tiền vốn, việc vay có làm biên nhận vào ngày 18/5/2016 dl. Sau khi vay đến hạn trả nhưng anh L không trả như lời đã hứa. Đến nay anh L vẫn chưa trả cho chị được số tiền nào. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh **Lương Văn L** có nghĩa vụ trả chị số tiền vay còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi (1,5%/tháng) tính từ ngày 18/5/2016 đến ngày 18/01/2024. Tổng cộng vốn, lãi 70.950.000đ.

Tại văn bản (Biên bản hoà giải) ngày 11/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Lương Văn L** trình bày: Lúc con anh nằm viện

nên các anh chị em của anh có góp tiền lại để cho anh trị bệnh cho con của anh. Đến ngày 18/5/2016 anh có đồng ý ký biên nhận mượn số tiền 30.000.000đ của chị N. Anh đồng ý trả chị N số tiền vốn 30.000.000đ nhưng không đồng ý trả lãi.

Tại văn bản (Biên bản hoà giải) ngày 11/7/2024, chị N yêu cầu anh L trả vốn 30.000.000đ và yêu cầu lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 18/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày: Yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả số cho chị số tiền vay vốn 30.000.000đ, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là $30.000.000đ \times 0.83\% \times 93 \text{ tháng} = 23.157.000đ$ nhưng chị tính lãi 20.000.000đ. Tổng cộng chị yêu cầu anh L trả chị vốn, lãi bằng 50.000.000đ

Bị đơn anh L trình bày: Anh đồng ý trả chị N số tiền vốn 30.000.000đ nhưng xin trả dần. Đối với yêu cầu về lãi suất thì xin chị N không tính lãi do điều kiện gia đình anh quá khó khăn, không khả năng trả lãi.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Lương Văn L có địa chỉ cư trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền vay còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 18/5/2016 chị N có cho anh L vay số tiền 30.000.000đ, có làm biên nhận, trong biên nhận không thoả thuận lãi, mục đích vay để trị bệnh cho con của anh L. Biên nhận có chữ ký của anh L và anh L cũng thừa nhận có vay của chị N số tiền 30.000.000đ để trị bệnh cho con nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không khả năng trả theo thoả thuận. Do vậy thực tế việc vay tiền có xảy ra, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bị đơn anh L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó việc nguyên đơn chị N yêu cầu bị đơn anh L phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ 30.000.000đ là có căn

cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn anh L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị N số tiền vay vốn còn nợ là 30.000.000đ.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 18/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm tính lãi suất 0,83%/tháng, $30.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 93 tháng = 23.157.000đ$, nhưng chị N chỉ yêu cầu 20.000.000đ là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên buộc bị đơn anh L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị N số tiền lãi 20.000.000đ.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích N được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn anh Lương Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh L phải nộp $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên xét anh L thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.773.000đ (*Một triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011198 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích N.

Buộc bị đơn anh Lương Văn L có nghĩa vụ trả nguyên chị Đoàn Thị Bích N số tiền vay còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi 20.000.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lương Văn L do thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

2.2. Hoàn trả chị Đoàn Thị Bích N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.773.000đ (*Một triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011198 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An